TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 36/2024/DS-ST.
Ngày: 21/6/2024.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thành Đô.
2. Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2023/TLST – DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-DS, ngày 27/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1 (A).
Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L – Giám đốc phòng G. (Xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn L1, sinh năm 1972. (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
+ Vợ chồng ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1965 bà Lê Thị T1, sinh năm 1966. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
+ Ông Trần Văn N, sinh năm 1976. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn D, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2023 lời khai trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/01/2022 Ngân hàng N1 chi nhánh huyện B phòng G ký hợp đồng tín dụng số 5606LAV202200441 với ông Trần Văn L1. Các bên thỏa thuận Ngân hàng cho ông Trần Văn L1 vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng. Thỏa thuận lãi suất là 9%/năm và được điều chỉnh theo lãi suất biến động của Ngân hàng N2 + 3.5% được điều chỉnh 03 tháng/ lần, lãi suất quá hạn là 13.5%, lãi suất chậm trả là 9.5%/năm. Ngoài ra có sự điều chỉnh mức lãi suất theo định kỳ. Mục đích vay là để sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi hộ gia đình. Định kỳ trả lãi là 06 tháng/lần

Để đảm bảo khoản vay các bên thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 15.968.8m^2 tại thôn A, xã Đ, huyện B, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 199252 vào sổ cấp số CH 00605 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18/10/2011 mang tên ông Nguyễn Tấn T bà Lê Thị T1.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân theo đúng quy định. Tuy nhiên, phía Trần Văn L1 không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã thỏa thuận, chậm trả hết nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/7/2022. Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/10/2023 là 354.866.442đ. Trong đó lãi trong hạn là 38.251.234đ, lãi quá hạn 16.615.208đ. Số tiền nêu trên Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng ông L1 không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền gốc và lãi nêu trên, yêu cầu tiếp tục chịu lãi cho đến khi thanh toán xong, đồng thời được quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn xin vắng mặt nhưng qua nội dung đơn xin vắng mặt trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc trả số tiền gốc 300.000.000đ, số tiền lãi quá hạn và trong hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 58.929.864đ; lãi phạt là chậm trả gốc 22.204.931đ và lãi là 2.075.189đ, tổng gốc và lãi đến ngày 21/6/2024 là 382.909.984đ. Ngoài ra buộc ông L1 tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, được quyền xử lý tài sản đã thế chấp.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn L1 ***trình bày*****:** Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, được giải thích về quyền, nghĩa vụ theo quy định. Ông xác nhận nội dung khởi kiện của phía Ngân hàng là đúng, thực tế khoản vay trên ông đứng ra vay giúp cho ông N. Sau khi vay được ông đưa tiền cho ông N sử dụng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng hiện nay thì ông cũng thống nhất và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ngoài ra không có ý kiến hoặc yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T Lê Thị T1 ***trình bày:*** Ông bà xác nhận có ký hợp đồng ủy quyền cho

ông Trần Văn L1 đối với thửa đất hiện nay thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N1 là đúng. Ông bà nắm được thông tin ông L1 cũng là người được ông Trần Văn N nhờ đứng ra ký hợp đồng vay vốn, nguyên nhân do ông N bà Đ bị nợ xấu với Ngân hàng. Lý do ông bà đồng ý ký hợp đồng ủy quyền là do đã thỏa thuận với vợ chồng ông N bà Đ về việc đổi 03 thửa đất, trong đó có thửa đất mà ông L1 đã thế chấp với Ngân hàng. Trước khi thế chấp thì ông bà đã bàn giao đất cho vợ chồng ông N bà Đ cho đến nay, ông N bà Đ giao thửa đất khác cho ông bà quản lý sử dụng. Tuy nhiên, hiện nay ông N bà Đ cũng chưa làm thủ tục chuyển tên cho cho ông bà đối với các thửa đất đã thỏa thuận đổi theo quy định. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định. Ngoài ra không có ý kiến hoặc yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N ***trình bày:*** Ông xác nhận có việc đổi các quyền sử dụng đất theo như lời khai của ông T bà T1 là đúng. Ngoài ra khoản vay của ông Trần Văn L1 đối với Ngân hàng N3 cũng là do ông nhờ vay vốn. Nguồn tiền vay về được thì vợ chồng ông sử dụng, tiền lãi hàng tháng ông vẫn là người đóng thay, nhưng thời gian vừa qua gia đình gặp khó khăn nên không thanh toán được. Việc ông nhờ ông L1 đứng vay vốn Ngân hàng thì phía Ngân hàng không biết. Hiện nay Ngân hàng khởi kiện ông L1 yêu cầu trả số tiền đã vay và xử lý tài sản thế chấp thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định. Đồng ý dùng thửa đất đang thế chấp cho Ngân hàng để xử lý phát mãi khi không thanh toán được cho Ngân hàng. Ngoài ra không có ý kiến hoặc yêu cầu gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bphát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Về yêu cầu trả số tiền gốc còn lại 300.000.000đ:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng số 5606LAV202200441, trong đó thời hạn cuối cùng là ngày 17/01/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng giữa hai bên: Ông Trần Văn L1 đã được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên, hết thời hạn theo hợp đồng tín dụng vẫn không thanh toán được khoản tiền gốc nào.

Căn cứ lời khai của Ông Trần Văn L1 và ông Trần Văn N thể hiện ông L1 không sử dụng tiền vay đúng mục đích hợp đồng tín dụng, trong đó số tiền vay

được ông L1 đưa cho ông N sử dụng là vi phạm Điều 1 của hợp đồng đã giao kết. Quá thời hạn trả nợ ông L1 cũng không thanh toán tiền gốc và lãi. Vì vậy, có cơ sở xác định ông Trần Văn L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc trả số tiền gốc còn lại nêu trên.

[1.2] Về yêu cầu trả lãi suất:

Căn cứ Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 5606LAV202200441, ngày 17/01/2022 thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi chậm trả lãi, phí. Bị đơn xác định từ lâu không thanh toán được tiền lãi cho nguyên đơn. Căn cứ bản chiết tính của phía nguyên đơn thể hiện bị đơn vi phạm không thanh toán tiền lãi từ ngày 19/7/2022, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (21/6/2024) thì tổng lãi suất phát sinh đối với hợp đồng ông Trần Văn L1 theo như trình bày nguyên đơn là 82.909.984đ.

Xét thấy lãi suất phù hợp với quy định pháp luật của Luật tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự nên cần buộc bị đơn trả và cần buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền gốc chưa thanh toán sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi cần buộc bị đơn thanh toán là 382.909.984đ (làm tròn là 382.910.000đ)

[1.3] Về yêu cầu được quyền xử lý tài sản thế chấp:

Hội đồng xét xử thấy: Các đương sự thừa nhận để đảm bảo khoản vay thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã dùng quyền sử dụng đất như hiện nay nguyên đơn yêu cầu được quyền xử lý tài sản thế chấp để thế chấp cho khoản vay. Việc thế chấp giữa các bên có lập hợp đồng và được Công chứng tại Văn phòng Công chứng. Ngoài ra các bên còn đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B đối với các tài sản thế chấp nêu trên. Theo quy định tại Điều 4 của các hợp đồng thế chấp đã lập nêu trên thì phía Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp trong các trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đối với Ngân hàng và các trường hợp khác theo quy định; phía Ngân hàng được quyền bán tài sản thế chấp, xử lý tài sản thế chấp theo quy định..v...v..

Như vậy, việc thế chấp tài sản của các bên là đúng quy định pháp luật. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã chấp chấp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Buộc ông Trần Văn L1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền vay gốc theo Hợp đồng tín dụng số 5606LAV202200441, ngày 17/01/2022 và lãi suất phát sinh tính đến ngày 21/6/2024 là 382.910.000đ (ba trăm tám mươi hai triệu, chín trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày 22/6/2024 ông Trần Văn L1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 5606LAV202200441, ngày 17/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng N1 (A) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp, gồm: Thửa đất số 241, tờ bản đồ số 4, diện tích 15.968,8m^2. Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Giấy CNQSD đất số BH 199252 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18/10/2011 cho ông Nguyễn Tấn T bà Lê Thị T1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Văn L1 phải chịu 19.145.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí là 8.872.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001373 ngày 24/11/2023.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Trần Văn L1 phải hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền 1.500.000đ.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình